

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Số: 3124/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

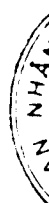
Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1277/TTr-SNN ngày 23/6/2020 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, Nghị định số 02/2010/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP); đồng thời, Bộ Tài chính đã có Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông (sau đây gọi tắt Thông tư số 75/2019/TT-BTC), trong đó quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương...”.


Do đó, việc ban hành chính sách thay thế Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND và đảm bảo đúng quy định theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và Thông tư số 75/2019/TT-BTC là thật sự cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Cụ thể hóa Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019.

- Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông, lâm, ngư nghiệp và cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Tại Điều 10, Mục 2, Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương”.

- Nhằm cụ thể hóa các quan điểm, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, đảm bảo việc thực hiện các chương trình, đề án liên quan lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đạt hiệu quả, đúng chủ trương, chính sách của tỉnh đề ra.

- Việc xây dựng chính sách để khuyến khích đầu tư tăng hiệu quả sản xuất trong tất cả các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trong đó, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, lợi thế của từng lĩnh vực đã được phê duyệt.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Đảm bảo tính khả thi cao trong triển khai thực hiện chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở văn bản chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương tại văn bản số 46/HĐND-KTNS ngày 31/3/2020 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết theo Tờ trình số 948/TTr-UBND ngày 06/3/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi dự thảo lấy ý kiến góp ý của 25 cơ quan, đơn vị thông qua văn bản số 895/SNN-NN ngày 06/5/2020 và công văn số 894/SNN-NN ngày 06/5/2020 gửi Cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ ngày 06/5/2020 đến 05/6/2020,

Theo Báo cáo số 21/BC-BBT ngày 08/6/2020 của Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh, kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết từ ngày 06/5/2020 đến

ngày 05/6/2020: không nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Đối với ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương: Đến ngày 12/6/2020 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được ý kiến góp ý của 24/25 các Sở, ngành; trong đó có 14/24 ý kiến thống nhất, 10/24 ý kiến góp ý. Sau khi tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo và báo cáo giải trình đề trình Sở Tư pháp thẩm định. Ngày 23/6/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có báo cáo tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 1275/BC-SNN đối với Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 82/BC-STP ngày 19 tháng 6 năm 2020.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY ĐỊNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Quy định kèm theo Nghị quyết gồm 9 điều, trong đó có 6 Điều quy định về nội dung và chính sách hỗ trợ cụ thể cho các hoạt động Khuyến nông, 3 Điều quy định chung về đối tượng, phạm vi trong hoạt động Khuyến nông và 1 Điều quy định về điều khoản chuyển tiếp tổ chức thực hiện.

2. Nội dung

2.1 Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2.2 Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

2.3 Nội dung và mức chi đối với nội dung bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo trong hoạt động Khuyến nông

a) Nội dung bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo và phương thức tổ chức thực hiện bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong đó, quy định đối với một số phương thức thực hiện như sau:

- Khóa học huấn luyện kỹ thuật theo quy trình sản xuất; khóa học ngắn hạn gắn lý thuyết với thực hành; lớp học tại hiện trường:

+ Số lượng học viên tối đa không quá 30 người/lớp.

+ Thời gian không quá 5 ngày.

- Bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo chuyên đề:

+ Số lượng học viên tối đa không quá 100 người.

+ Thời gian không quá 2 ngày.

- Khảo sát học tập trong nước:

+ Khảo sát học tập trong tỉnh: số lượng học viên không quá 25 người, thời gian không quá 1 ngày.

+ Khảo sát học tập ngoài tỉnh: Số lượng học viên không quá 40 người, thời gian không quá 5 ngày.

b) Mức chi

Mức chi hỗ trợ các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động Khuyến nông.

Mức chi hỗ trợ tài liệu đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học.

Chi thuê điểm tham quan, hỗ trợ thực hành (nếu có): mức chi theo thực tế và chế độ hiện hành, tối đa không quá 1.000.000 đồng/điểm/lần.

Chi hỗ trợ công phục vụ lớp học (vệ sinh, giữ xe,...): 200.000 đồng/người/ngày.

2.4 Nội dung, mức chi đối với các hoạt động thông tin tuyên truyền

a) Tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông, bản tin, trang tin điện tử khuyến nông: thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan, học tập: Mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Riêng đối với một số nội dung chi người chủ trì, ban cố vấn khoa học, thư ký hội thảo, diễn đàn, báo cáo khoa học, quy định này quy định cụ thể như sau:

- Người chủ trì: 1.200.000 đồng/người/buổi.
- Ban cố vấn khoa học (nếu có): 1.000.000 đồng/người/buổi
- Thư ký hội thảo: 300.000 đồng/người/buổi.
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo.

Chi in ấn tài liệu; Chi thuê hội trường, trang trí, văn phòng phẩm; Chi tuyên truyền (nếu có): Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi thuê xe đưa đón nông dân tham dự diễn đàn, hội thảo (nếu có): Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi thuê điểm tham quan mô hình sản xuất thực tế (nếu có): Mức chi thực tế theo quy định hiện hành, tối đa không quá 1.000.000 đồng/điểm/lần.

c) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông toàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Ngoài ra thực hiện các nội dung chi như: Chi in ấn, pho to tài liệu, thuê hội trường, thiết bị, trang trí, văn phòng phẩm, thuê công phục vụ: mức chi thực tế theo chế độ hiện hành.

d) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp

Chi thông tin tuyên truyền hội chợ, triển lãm: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi phí trưng bày mẫu vật, sản phẩm: Thuê mặt bằng, dàn dựng, lắp đặt gian hàng, hỗ trợ 100% kinh phí thuê gian hàng; Chi phí vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi hoạt động của Ban tổ chức: Thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, văn phòng phẩm: mức chi thực tế theo quy định hiện hành;

Chi tiền ăn, nước uống, tiền thuê phòng nghỉ, đi lại, phụ cấp công tác phí cho các thành viên Ban tổ chức: Mức chi theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi tổ chức hội thảo chuyên đề (nếu có): Nội dung và mức chi theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 và điểm b Khoản 2 Điều 4 của Quy định kèm theo Nghị quyết.

Chi tổ chức cho các đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao tham quan học tập: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của quy định này.

Chi khen thưởng; chi hỗ trợ điện, nước; các khoản chi khác (nếu có): Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi tiền công chăm sóc, quản lý, bảo vệ, phục vụ, vệ sinh: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành, tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

đ) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 5, Thông tư số 75/2019/TT-BTC, ngoài ra quy định này quy định một số nội dung và mức chi tổ chức hội thi liên quan lĩnh vực Khuyến nông cụ thể như sau:

Chi thuê hội trường, phương tiện, trang trí: mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi biên soạn câu hỏi, đáp án đề thi; Chi đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình, dẫn chương trình: Vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chi tiền công chăm sóc, quản lý, bảo vệ, phục vụ, vệ sinh: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành, tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

Chi hỗ trợ điện, nước: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

e) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin Khuyến nông và các hình thức tuyên truyền khuyến nông

Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 5, Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Ngoài ra chi tổ chức điều tra thống kê các cơ sở dữ liệu Khuyến nông thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2.5 Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Nội dung và phương thức thực hiện xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình áp dụng theo quy định tại Điểm c, d, đ, e Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Thông tư số 75/2009/TT-BTC.

4. Ngoài hỗ trợ giống, vật tư, thiết bị đối với xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn sản xuất; hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh, Quy định này quy định cụ thể nội dung và mức chi như sau:

a) Chi tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập thực tế thực hiện theo Điều 3 của Quy định này.

b) Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình thực hiện theo Điều 4 của Quy định này.

c) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn: Thực hiện theo Điểm d, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

2.6 Nội dung và mức chi đối với hoạt động tư vấn và dịch vụ Khuyến nông

a) Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức và chính sách khuyến khích hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 30 Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Một số mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.7 Hợp tác quốc tế về Khuyến nông

a) Nội dung và phương thức hợp tác quốc tế về Khuyến nông thực hiện theo Quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông.

b) Mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Đối với các nội dung đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước tại tỉnh Bình Dương.

2.8 Nội dung chi khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Riêng mức chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, thực hiện theo quy định của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh quy định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2.9 Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Hồ sơ kèm theo gồm: Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thuyết minh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; Báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu các ý kiến góp ý. 1

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), Thi, TH;
- Lưu: VT/ 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

BÁO CÁO

**Tổng hợp và giải trình các ý kiến đóng góp cho dự thảo
Nghị quyết Quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

(Kèm theo Tờ trình ~~31/21~~ /TTr-UBND ngày ~~30/6~~ 2020 của UBND tỉnh)

Nhằm hoàn chỉnh các nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Ngày 06/5/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương có Công văn số 895/SNN-NN về việc góp ý dự thảo các văn bản liên quan đến việc ban hành Nghị quyết này và công văn số 894/SNN-NN ngày 06/5/2020 gửi Công thông tin điện tử lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ ngày 06/5/2020 đến 05/6/2020,

Đến ngày 12/6/2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được báo cáo của Ban biên tập công thông tin điện tử về kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết “Ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương” và 24/25 văn bản góp ý của các của Sở, ban, ngành; địa phương; Trong đó:

- Theo báo cáo số 21/BC-BBT ngày 08/6/2020 của Ban biên tập Công thông tin điện tử, kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết từ ngày 06/5/2020 đến ngày 05/6/2020: không nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đối với các văn bản góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương trong 24/25 văn bản:

+ 14/24 đơn vị thống nhất và không có ý kiến với nội dung các dự thảo Quyết định gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Hội Nông dân tỉnh; Liên minh hợp tác xã tỉnh; Sở Công Thương; UBND huyện Bàu Bàng; Phòng Kinh Tế Thị xã Tân Uyên; Phòng Kinh tế Thành phố Thuận An; Phòng Kinh tế huyện Phú Giáo; Phòng Kinh tế huyện Dầu Tiếng; Phòng Kinh tế Thành phố Thủ Dầu Một; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Dầu Tiếng; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thành phố Thuận An; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố Dĩ An; Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Bến Cát.

+ 10/24 đơn vị đóng góp ý kiến cho dự thảo gồm: Sở Tư Pháp, Sở Tài chính (góp ý 2 lần); Sở Khoa học Công nghệ; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát; Phòng Kinh tế huyện Bắc



Tân Uyên; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Phú Giáo; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Bàu Bàng; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thị xã Tân Uyên; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Bắc Tân Uyên.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo theo các ý kiến đóng góp, đơn vị tiếp thu và giải trình các nội dung góp ý, cụ thể như sau:

1. Sở Tư Pháp

(1) Căn cứ Khoản 1 Điều 59 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật quy định về trình bày địa danh, đề nghị chỉnh sửa, thay cụm từ "Thủ Dầu Một" thành cụm từ "Bình Dương" tại phần địa danh.

Tiếp thu, đã chỉnh sửa phần trình bày địa danh, ngày tháng năm.

(2) Đề nghị chỉnh sửa trình bày lại trích yếu dự thảo Nghị quyết như sau "Nghị quyết Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương".

Tiếp thu, chỉnh sửa phần tên gọi văn bản.

(3) Chỉnh sửa phù hợp với tên gọi của văn bản tại phần trích yếu văn bản.

Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 1.

(4) Chỉnh sửa thay thế căn cứ đã hết hiệu lực pháp luật "Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội" thành "Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015".

Tiếp thu chỉnh sửa tại phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản.

(5) Chỉnh sửa thay thế "Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội" thành "Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015".

Tiếp thu chỉnh sửa tại phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản.

(6) Chỉnh sửa thay thế "Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015" thành cụm từ "Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015".

Tiếp thu chỉnh sửa tại phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản.

(7) Bổ sung "Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .. Tháng ... năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách" vào trong đoạn: "Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2020; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp". Đồng thời chỉnh sửa dấu phẩy thành dấu chấm tại đoạn cuối phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản cho phù hợp.

Tiếp thu chỉnh sửa tại phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản

(8) Đề nghị đánh số thứ tự và đánh số trang của dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Điều 39 và Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Tiếp thu chỉnh sửa: Dự thảo 2; chỉnh sửa lại cách đánh số trang.

(9) Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa theo hướng quy định cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đủ thời gian để các cơ quan,

tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận và điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản, nhưng không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Tiếp thu, chỉnh sửa hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

(10) *Đề nghị thực hiện theo quy định của Mẫu số 17 Phụ lục 1, ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP: bổ sung phần Quốc hiệu, tiêu ngữ.*

Tiếp thu, chỉnh sửa thể thức trong phần Quy định dự thảo.

(11) *Trích yếu quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, và nội dung trong Điều 1. Phạm vi điều chỉnh trong dự thảo Quy định kèm theo điều chỉnh tên thống nhất với tên Nghị quyết.*

Tiếp thu, chỉnh sửa phần trích yếu và nội dung trong Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Dự thảo quy định.

(12) *Căn cứ quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC thì nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông bao gồm: "Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo; Thông tin tuyên truyền; Xây dựng và nhân rộng mô hình; Tư vấn và dịch vụ khuyến nông; Hợp tác Quốc tế về Khuyến nông; Nội dung chi khác"; Khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: "Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết", đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản chỉnh sửa, bỏ nội dung "Các quy định chung" và "Xã hội hóa công tác khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp" tại Điều 3 và Điều 9 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết, vì thừa, không cần thiết.*

Tiếp thu, chỉnh sửa Quy định bỏ Điều 3 và Điều 9 của quy định kèm theo dự thảo.

(13) *Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản rà soát, chỉnh sửa bổ sung, ghi rõ nội dung trích yếu văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại các Điều 4, Điều 5, ... dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.*

Tiếp thu chỉnh sửa bổ sung trong trình bày ghi rõ nội dung trích yếu văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại các Điều 3, Điều 4 trong dự thảo điều chỉnh (Điều 4, Điều 5 trong dự thảo trước đây).

(14) *Đề nghị nghiên cứu rà soát, xem xét, cân nhắc nên chặt lọc sử dụng thống nhất một trong các cụm từ "Mức chi theo thực tế và chế độ hiện hành", "mức chi thực tế và quy định hiện hành"; "Mức chi thực tế theo quy định hiện hành"... tại Điều 4 và Điều 5 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.*

Tiếp thu, chỉnh sửa sử dụng thống nhất sử dụng cụm từ "Mức chi thực tế theo quy định hiện hành", trong Điều 3 và Điều 4 (dự thảo trước đây là Điều 4 và Điều 5),

(15) *Đề nghị chỉnh sửa thay cụm từ "tiền ngữ, đi lại" bằng cụm từ "tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại" tại Điểm d, Khoản 2, Điều 5 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.*

Tiếp thu chỉnh sửa tại Điểm d, Khoản 2, Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết. (Điều 5 trong dự thảo trước đây).

(16) *Đề nghị chỉnh sửa dẫn chiếu các văn bản hướng dẫn nội dung và mức chi đối với một số nội dung "Chi tổ chức hội thảo chuyên đề (nếu có)", tại Điểm*

d Khoản 2 Điều 5 Dự thảo và một số nội dung chi quy định tại Điều 6 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

Tiếp thu chỉnh sửa tại điểm d Khoản 2 Điều 4 và Điều 6 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết (Điều 5 và Điều 6 của dự thảo gửi góp ý)

(17) Đề nghị trình bày bố cục tại Điều 6 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết theo Điều, khoản, điểm cho phù hợp và thống nhất trong toàn văn bản.

Tiếp thu chỉnh sửa tại Điều 5 dự thảo Quy định kèm theo (Điều 6 của dự thảo gửi góp ý).

(18) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ghi chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền ký ban hành văn bản.

Tiếp thu chỉnh sửa Nghị quyết và Quy định kèm theo.

2. Sở Tài chính

Sau khi nhận nhận được văn bản góp ý lần 1 của Sở Tài chính và tiếp tục thực hiện Thông báo số 93/TB-UBND ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Mai Hùng Dũng tại cuộc họp thông qua một số dự thảo văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp đã phối hợp với Sở Tài chính và thống nhất các nội dung góp ý nội dung chỉnh sửa như sau:

(1) “Tại trang 1 Dự thảo Tờ trình đề nghị điều chỉnh thành “Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt ban hành Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương”.

Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa vào nội dung Dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

(2) “Tại trang 3, Khoản 2.1 dự thảo đề nghị điều chỉnh thành “Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách, trên địa bàn tỉnh Bình Dương.”

Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính thống nhất theo nội dung giải trình, đã chỉnh sửa theo đề nghị của Sở Tư pháp, điều chỉnh là "Quy định này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương".

(3) “Tại Điểm c, Khoản 2.3 của dự thảo đề nghị điều chỉnh thành “Nguồn kinh phí thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 32, Điều 33 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến nông thực hiện theo quy định tại Mục 3 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.”

Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính, đồng thời chỉnh sửa theo đề nghị của Sở Tư pháp là bỏ Điều 3. Các quy định chung để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: "Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết".

Các nội dung này đã quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ nên Nghị quyết không quy định lại.

(4) Nội dung và mức chi đối với bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo trong hoạt động khuyến nông; Mức chi bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cụ thể là mức chi hỗ trợ đi lại cho đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đối tượng nhận chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Tiếp thu chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

(5) Đề nghị bỏ nội dung “Chi Ban giám khảo, hội đồng tư vấn khoa học: Chi bồi dưỡng thành viên ban giám khảo, hội đồng khoa học; hỗ trợ tiền ăn, nước uống, tiền đi lại, tiền ngủ theo quy định đối với ban chủ tọa, hội đồng cố vấn của diễn đàn, tọa đàm được quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này” được quy định đối với mức chi đối với Hội thi trong hoạt động tuyên truyền.

Tiếp thu ý kiến góp ý lần 2 của Sở Tài chính tại văn bản số 1747/STC-HCSN ngày 20/5/2020, Sở Nông nghiệp thống nhất bỏ nội dung này trong dự thảo Nghị quyết, nội dung này sẽ được áp dụng theo Quy định tại Khoản 6, Điều 5, Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

(6) Chi biên soạn câu hỏi, đáp án đề thi; Chi đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình, dẫn chương trình: Vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 23/2014/NQ-HDDND8 ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Do tại Khoản 6, Điều 5, Thông tư số 75/2019/TT-BTC đã quy định các nội dung chi này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

Tiếp thu ý kiến góp ý đối với Chi biên soạn câu hỏi, đáp án đề thi áp dụng theo Khoản 6, Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC chỉnh sửa nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sở Tài chính thống nhất theo nội dung giải trình (tại văn bản góp ý lần 2) giữ lại nội dung chi: chi đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình, dẫn chương trình (nếu có), cụ thể do quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp các nội dung này không được quy định, để đảm bảo tổ chức hội thi

và hỗ trợ 100% kinh phí theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và về nội dung vận dụng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 918/QĐ-BNN ngày 05/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định tạm thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho hoạt động Khuyến nông; về mức chi đề nghị vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

(7) Dự thảo nêu “Chi tổ chức hội thảo chuyên đề (nếu có): Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 của quy định này. Chi tổ chức cho các đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao tham quan học tập: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 của quy định này”. Tuy nhiên dự thảo lại không trình bày theo Điều”.

Tiếp thu chỉnh sửa trong nội dung dự thảo.

(8) Tại gạch đầu dòng thứ 2 trang 6 dự thảo đề nghị bỏ đoạn “Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.” do nội dung chi này đã được quy định ở những phần trên.

Tiếp thu ý kiến góp ý, điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

(9) Đề nghị đơn vị rà soát thêm các nội dung chi cụ thể bổ sung thêm so với Thông tư số 75/2019/TT-BTC để không trùng lặp và khó khăn trong quá trình áp dụng thực hiện sau này.

Sở Nông nghiệp tiếp thu, rà soát và triển khai trong dự thảo Nghị quyết.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

(1) Điểm b, Khoản 2, Điều 5 dự thảo Nghị quyết về mức chi người chủ trì, ban cố vấn khoa học, thư ký hội thảo, diễn đàn, báo cáo khoa học, đề nghị bổ sung chi phí cho thành viên tham gia Hội thảo, đơn vị tính đồng/người/buổi hội thảo cho Ban cố vấn khoa học.

Tiếp thu, điều chỉnh mức chi người chủ trì, ban cố vấn khoa học, thư ký hội thảo, diễn đàn, báo cáo khoa học, đơn vị tính đồng/người/buổi tại điểm b, Khoản 2, Điều 4 dự thảo Quy định điều chỉnh (Điều 5, dự thảo lấy ý kiến).

Đối với chi phí cho thành viên tham gia Hội thảo là đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao công nghệ được hỗ trợ các chi phí tiền ăn, tiền đi lại, tiền thuê phòng nghỉ ... theo quy định nên không bổ sung thêm chi phí cho thành viên tham gia Hội thảo.

(2) Điều 10 dự thảo (điều 9 dự thảo chỉnh sửa) Nghị quyết về nội dung chi khác đề nghị ghi rõ mức chi cho hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Bình Dương Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học

và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương vì địa phương đã có ban hành quy định đối với các nhiệm vụ cấp tỉnh.

Tiếp thu ý kiến, điều chỉnh trong Điều 9 Dự thảo (Điều 10 Dự thảo trước đây).

(3) Khoản 1, Điều 11 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung thêm quy định chuyển tiếp đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và chưa tổ chức thực hiện.

Tiếp thu, chỉnh sửa Khoản 1, Điều 10 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết (Điều 11 đối với dự thảo lấy ý kiến) "đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán được duyệt".

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương

(1) Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại các căn cứ trong dự thảo Nghị quyết cho đúng với quy định của Luật Ban hành Văn bản quy phạm Pháp luật ngày 22/6/2015 (mẫu 17).

Tiếp thu, chỉnh sửa trong phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết.

(2) Một số mức chi của dự thảo Nghị Quyết vẫn áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại các quy định của Bộ Tài chính đã được HĐND tỉnh hoặc UBND tỉnh đã cụ thể hóa để áp dụng cho đúng quy định.

Tiếp thu ý kiến góp ý, quá trình soạn thảo dự thảo Nghị quyết, bộ phận soạn thảo đã rà soát các quy định của Bộ Tài chính, nội dung nào đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã cụ thể hóa đã đưa vào nội dung Nghị quyết, trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị, có bổ sung nội dung quy định tại Điều 10 (theo góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ).

5. Ủy ban nhân dân Thị xã Bến Cát

(1) Bổ sung khoản 5 vào Điều 3 "Phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động Khuyến nông trên phạm vi điều 3, thực hiện theo Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

Tiếp thu, ý kiến sẽ tham mưu UBND tiếp tục thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 36 Nghị định 83/2018/NĐ-CP. Đối với dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết thực hiện góp ý của Sở Tư pháp bỏ Điều 3. Các quy định chung.

6. Phòng Kinh Tế huyện Bắc Tân Uyên

(1) Dự thảo Nghị Quyết HĐND chỉ quy định nội dung và mức chi. Do đó đề nghị cơ quan tham mưu nghiên cứu phạm vi điều chỉnh của văn bản dự thảo. Nếu cụ thể hóa Nghị định số 83/2018/NĐ-CP thì cần điều chỉnh phạm vi văn bản dự thảo thành: "Nghị Quyết quy định về hình thức, phương thức, đối tượng, chính sách về khuyến nông và chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật chuyển giao khoa học công nghệ", để đảm bảo các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.



Tiếp thu ý kiến, thực hiện theo chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 45/HĐND-KTNS ngày 31/3/2020, Sở Nông nghiệp tiến hành xây dựng dự thảo nghị quyết Quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương; các quy định về hình thức, phương thức, đối tượng hoạt động Khuyến nông áp dụng theo quy định của Nghị định 83/2018/NĐ-CP, chính sách không quy định lại những nội dung văn bản của cấp trên đã quy định.

(2) Dự thảo văn bản chỉ quy định về nội dung và mức chi, tuy nhiên căn cứ theo quy định tại Khoản 4, Điều 25 thì việc xác định kế hoạch, nhiệm vụ của UBND các cấp chưa được cụ thể hóa theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, do vậy UBND các cấp huyện, xã không thể triển khai thực hiện được. Do đó kiến nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét tham mưu ban hành quy trình, trình tự xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hoạt động khuyến nông và phân cấp kế hoạch, nhiệm vụ cho địa phương cấp huyện, xã trước khi hoặc song song với việc ban hành Quy định này.

Tiếp thu ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp tục tham mưu UBND tiếp tục thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 36 Nghị định 83/2018/NĐ-CP (Giải trình như ý kiến góp ý của Phòng Kinh tế thị xã Bến Cát).

7. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Phú Giáo

(1) Trong mục b, phần 2.4 nội dung mức chi đề nghị tài liệu không quá 150.000 đồng/người.

Tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: Theo điểm c, Khoản 2, Điều 3, (1) Mức chi hỗ trợ tài liệu đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học.

(2) Công phục vụ vệ sinh: đề nghị mức 300.000 đồng.

Tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: Mức lương tối thiểu vùng hiện nay là 4.450.000 đồng/người/tháng; chia cho 22 ngày bằng khoảng 200.000 đồng/người ngày. Mức hỗ trợ này là phù hợp vì thực tế thời gian làm việc của công phục vụ.

(3) Đề nghị hướng dẫn thêm cách chi tiền báo cáo viên có học hàm học vị.

Tiếp thu ý kiến góp ý, giải trình như sau: Hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 4 dự thảo Quy định (Điều 5 Đối với dự thảo gửi góp ý) Theo quy định tại Điểm a Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên: “Tuỳ theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khoá bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khoá bồi dưỡng CBCC quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công

việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao.

8. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bàu Bàng

(1) Đề nghị bổ sung chi vật tư thực hành, văn phòng phẩm, băng rôn, nước uống trong quy định về nội dung và mức chi đối với tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo.

Tiếp thu ý kiến, giải trình: Nội dung này đã được quy định theo Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 75/2019/TT-BTC (Khoản 2, Điều 3 quy định kèm theo Nghị quyết).

9. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp Thị xã Tân Uyên

(1) Đề nghị giảm số lượng học viên bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo chuyên đề từ không quá 100 người xuống không quá 50 người (Khoản 1 Điều 4 Quy định kèm theo Dự thảo).

Tiếp thu ý kiến, giải trình như sau: Tùy tính chất hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn xây dựng quy mô tổ chức phù hợp.

10. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Bắc Tân Uyên

(1) Đề nghị các mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn:

- Mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% các vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản...);

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao: được hỗ trợ tối đa 100% tổng kinh phí thực hiện mô hình, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/điểm;

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: được hỗ trợ 100% tổng kinh phí thực hiện mô hình, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/điểm;

- Chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh: Được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Tiếp thu ý kiến giải trình như sau: Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình áp dụng theo quy định tại Điểm c, d, đ, e Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn); nội dung này không quy định mức kinh phí hỗ trợ tối đa, tuy nhiên tùy từng dự án, chương trình khuyến nông, cơ quan thẩm định sẽ xem xét mức hỗ trợ phù hợp.

+ Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

(Hồ sơ kèm theo: văn bản góp ý của các Sở, ngành, địa phương; Báo cáo Kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết “Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương của Cổng thông tin điện tử).

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải trình và tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

BẢN THUYẾT MINH
Cơ sở đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung
và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Kèm theo Tờ trình 3121 /TTr-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

Hệ thống các chính sách về nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam đã sớm được Đảng và Nhà nước quan tâm ngay trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới đất nước. Hệ thống chính sách đến nay đã đề cập và xử lý các vấn đề nảy sinh trong phát triển nông nghiệp và xã hội nông thôn. Nhờ có hệ thống chính sách ưu đãi và nhiều cơ chế phù hợp, diện mạo nông thôn được thay đổi. Đời sống người dân nâng cao cả về vật chất và tinh thần. Có thể nói nông nghiệp là một trong những lĩnh vực đang được hưởng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư nhất hiện nay, trong đó có Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông, nhằm hỗ trợ chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần đổi mới mạnh mẽ theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa nông nghiệp nông thôn và thu hút nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia. Tại Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa bằng Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Khuyến nông có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nông dân đổi mới và phát triển sản xuất nông nghiệp, giúp người nông dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Trong thời gian vừa qua, hoạt động khuyến nông từng bước phát triển và các quy định pháp luật về Khuyến nông từng bước được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tiễn sản xuất theo từng giai đoạn.

Qua gần 10 năm thực hiện Nghị định 02/2010/NĐ-CP và áp dụng Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương, giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng đều qua các năm từ 3,6-4%/năm, ngành đã tổ chức thực hiện trên 1.800 lớp tập huấn cho trên 79.000 lượt nông dân tham dự và triển khai thực hiện trên 1.300 điểm mô hình. Nhiều mô hình, dự án áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất được chuyển giao đến người sản xuất như sản xuất rau, quả an toàn, theo hướng VietGAP, mô hình chăn nuôi an toàn

sinh học, mô hình sản xuất hoa, cá cảnh,... Kết quả chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật, đến nay trên địa bàn tỉnh tỷ lệ sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao đạt trên 90%, trong đó giống cao su cao sản 100%, rau màu hạt lai F1 đạt > 90%. Về chăn nuôi như: bò lai sind đạt >80%, heo ngoại và lai từ 2 – 4 máu ngoại đạt 100%, gia cầm đạt >90%, bò sữa lai HF với tỷ lệ F1 chiếm 16,38%, F2 chiếm 69,33%, F3 chiếm 12,74%; 100% diện tích canh tác cây lâu năm được cơ giới hóa trong khâu làm đất, chăm sóc; gần 88% đàn gia cầm và trên 93% đàn heo được nuôi tập trung (hầu hết các trại sản xuất tập trung đều ứng dụng công nghệ cao quy trình kỹ thuật hiện đại). Nhìn chung những tiến bộ kỹ thuật đã áp dụng góp phần xây dựng nền nông nghiệp của tỉnh tiên tiến và đảm bảo bền vững.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo thời gian, Nghị định 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ nói chung và Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND của tỉnh nói riêng đã dần bộc lộ những hạn chế, chưa phát huy hết tiềm năng hỗ trợ cho người sản xuất như đối tượng áp dụng phân biệt theo trình độ và quy mô; phương thức tiếp cận chưa phân biệt điều kiện sản xuất của từng địa phương, vùng, miền; việc phân cấp hoạt động khuyến nông trung ương và địa phương chưa đúng với mục đích và bản chất của khuyến nông; các chính sách hỗ trợ khuyến nông được xây dựng theo nhóm nội dung hỗ trợ mà chưa phân biệt rõ đối tượng hỗ trợ; một số nội dung hỗ trợ không còn phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay,...

Để giải quyết những hạn chế của Nghị định 02/2010/NĐ-CP, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành nông nghiệp và bà con nông dân, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, ngày 24/5/2018 Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về Khuyến nông nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn tới. Sau đó, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông nhằm cụ thể hóa Nghị định trên.

Để kịp thời ban hành chính sách thay thế Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND và đồng bộ với trung ương theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài Chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, thì việc xây dựng Nghị quyết về nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

Căn cứ Điều 10, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài Chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14/3/2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp;

Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06/5/2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;

Quyết định số 918/QĐ-BNN-TC Ngày 05/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy định tạm thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho hoạt động Khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước tại tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc Điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến giáo dục Pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Thực hiện Công văn số 4844/UBND-NC ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông, lâm, ngư nghiệp và cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động khuyến nông.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung và mức chi bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

Nội dung bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo và phương thức tổ chức thực hiện bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

1.1 Nội dung: a) Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật cho các đối tượng chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này; b) Tập huấn về kỹ thuật sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh

nông nghiệp, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật, thị trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại cho các đối tượng nhận chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

1.2 Phương thức: (1) Tổ chức khóa học ngắn hạn gắn lý thuyết với thực hành; (2) Tổ chức lớp học tại hiện trường; (3) Đào tạo từ xa trên truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử khuyến nông; (4) Khảo sát học tập trong và ngoài nước; (5) Các phương thức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Dự thảo Nghị quyết căn cứ quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng Khuyến nông trong thời gian qua, quy định cụ thể về số lượng học viên và thời gian thực hiện đối với phương thức thực hiện một số nội dung như sau:

a) Khóa học huấn luyện kỹ thuật theo quy trình sản xuất; khóa học ngắn hạn gắn lý thuyết với thực hành; lớp học tại hiện trường:

- Số lượng học viên tối đa không quá 30 người/lớp.
- Thời gian không quá 5 ngày.

b) Bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo chuyên đề:

- Số lượng học viên tối đa không quá 100 người.
- Thời gian không quá 2 ngày.

c) Khảo sát học tập trong nước: Căn cứ trên số lượng phù hợp bố trí chuyển xe và cự ly di chuyển, nội dung tham quan học tập.

- Khảo sát học tập trong tỉnh: số lượng học viên không quá 25 người, thời gian không quá 1 ngày.

- Khảo sát học tập ngoài tỉnh: Số lượng học viên không quá 40 người, thời gian không quá 5 ngày.

1.3 Mức chi

Mức chi hỗ trợ các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động Khuyến nông.

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp:

Tại Điều 4, Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính, quy định Chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học “Các đơn vị căn cứ quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài

chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình tương ứng với nhiệm vụ chuyên môn, sản phẩm đầu ra cụ thể được giao”.

+ Trong đó, điểm b Khoản 1, Điều 7, Thông tư số **55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015**

Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$T_c = L_{cs} \times H_{sten} \times S_{nc}$$

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày $H_{sten} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

Trong đó:

T_c : Dự toán tiền công của chức danh

L_{cs} : Lương cơ sở do Nhà nước quy định

H_{sten}: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

S_{nc}: Số ngày công của từng chức danh

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Bảng 1 của Thông tư này là mức hệ số tối đa.

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, a) *Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên*: “*Tùy theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng CBCC quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao. Mức chi thù lao tối đa: 2.000.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học); Đối với giảng viên nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo chất lượng giảng viên và bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị.*”

Điểm b Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, b) **Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên**: “*Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng CBCC quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và văn bản của Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.*”

Điểm c Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, c) **Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên** “*Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định hiện hành tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và văn bản của Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.*”

+ Đối với tiền phương tiện đi lại: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC, đối với giảng viên báo cáo viên là cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh áp dụng mức thanh toán tiền phương tiện đi lại Theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND

+ Đối với tiền thuê phòng nghỉ: Theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC: “Đối với Lãnh đạo cấp Bộ trưởng và các chức danh tương đương: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ: 2.500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng, không phân biệt nơi đến công tác; Đối với Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng; Đối với các đối tượng còn lại: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.”

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

d) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền phương tiện đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ

trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền phương tiện đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi cho công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng trên địa tỉnh Bình Dương 3 nội dung:

Một là: Mức chi hỗ trợ tài liệu đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học:

Theo Thông tư 75/2019/TT-BTC quy định nội dung này hỗ trợ 50%, Tuy nhiên Nghị định số 83/2018/NĐ-CP quy định hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng; Bên cạnh đó để thuận lợi cho công tác tổ chức lớp học và khuyến khích người tham gia hoạt động chuyển giao kiến thức, kỹ năng hoạt động khuyến nông có điều kiện cập nhật nâng cao kiến thức, kinh nghiệm; Kinh phí thông thường sử dụng trong photo, in ấn hoặc mua tài liệu tập huấn thường mức kinh phí không cao (số trang bình quân khoảng 100 trang tài liệu x in ấn khoảng 1.000 đồng đến 2.000 đồng/trang tương ứng với tài

liệu cần in màu). Do vậy Nghị quyết đề nghị mức chi này hỗ trợ 100% tuy nhiên không quá 200.000 đồng/người học/khóa học.

Hai là chi thuê điểm tham quan, hỗ trợ thực hành (nếu có): mức chi theo thực tế và chế độ hiện hành, tối đa không quá 1.000.000 đồng/điểm/lần. (*Quyết định số 918/QĐ-BNN ngày 05/5/2014 của Bộ Nông nghiệp*).

Ba là chi hỗ trợ công phục vụ lớp học (vệ sinh, giữ xe,...): 200.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này nhưng không vượt quá quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Theo quy định tại Điều 11 và Điều 12, Thông tư số 40/2017/TT-BTC hướng dẫn các nội dung và mức chi cho hội nghị:

+ *Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.*

+ *Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp; Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại khoản 4 Điều này không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại khoản 4 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này).*

+ *Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại Điều 7 Thông tư này.*

- *Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.*

- Chi phí thuê xe; Chi phí hỗ trợ điểm tham quan học tập thực tế vận dụng theo Quy định của Quyết định số 918/QĐ-BNN-TC của Bộ Nông nghiệp và thanh toán thực tế.

Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

2. Nội dung và mức chi đối với các hoạt động thông tin tuyên truyền

Nội dung và phương thức tổ chức thực hiện, chính sách hỗ trợ các hoạt động thông tin tuyên truyền thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2.1 Nội dung: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ các nội dung tuyên truyền gồm : (1) Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và khuyến nông; (2) Phổ biến quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông; (3) Thông tin thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại; (4) Xây dựng mạng lưới thông tin truyền thông khuyến nông để tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất.

2.2 Phương thức: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ các nội dung tuyên truyền gồm: (1) Qua hệ thống truyền thông đại chúng; (2) Xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; (3) Tổ chức các sự kiện khuyến nông: hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập, diễn đàn, tọa đàm; (4) Bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông; (5) Các phương thức truyền thông khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3 Chính sách hỗ trợ và thực hiện tuyên truyền: theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ. (1) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông, tổ chức sự kiện khuyến nông (hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm), xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông và các hình thức thông tin tuyên truyền khuyến nông khác; (2). Đối tượng chuyển giao, đối tượng nhận chuyển giao công nghệ khi tham dự các sự kiện khuyến nông được hỗ trợ chi phí tài liệu, phương tiện đi lại, tiền ăn, nơi ở theo quy định hiện hành.

Mức chi cụ thể:

(1) Tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông, bản tin, trang tin điện tử khuyến nông: thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định: “Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt; Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút, Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác”.

(2) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan, học tập: Mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính: Nội dung chi, mức chi Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Riêng đối với một số nội dung chi người chủ trì, ban cố vấn khoa học, thư ký hội thảo, diễn đàn, báo cáo khoa học, Theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính là áp dụng theo quy định tại Khoản 5, Điều 7, Thông tư số 55/2015/TT-BTC-BKHCN với các mức được quy định là:

- Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi hội thảo.
- Thư ký hội thảo: 500.000 đồng/buổi hội thảo.
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 2.000.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

Tuy nhiên, căn cứ trên thực tế triển khai và rà soát quy định tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh về quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Dự thảo Nghị quyết này quy định cụ thể như sau:

- Người chủ trì: 1.200.000 đồng/người/buổi.
- Ban cố vấn khoa học (nếu có): 1.000.000 đồng/người/buổi.
- Thư ký hội thảo: 300.000 đồng/người/buổi.

- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo.

Chi in ấn tài liệu; Chi thuê hội trường, trang trí, văn phòng phẩm; Chi tuyên truyền (nếu có): Thanh toán thực tế và theo quy định hiện hành.

Chi thuê xe đưa đón nông dân tham dự diễn đàn, hội thảo (nếu có): Thanh toán thực tế theo quy định hiện hành.

Chi thuê điểm tham mô hình sản xuất thực tế (nếu có): Thanh toán thực tế theo quy định hiện hành, tối đa không quá 1.000.000 đồng/điểm/lần.

(3) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông toàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra thực hiện các nội dung chi như: Chi in ấn, photo tài liệu, thuê hội trường, thiết bị, trang trí, văn phòng phẩm, thuê công phục vụ: Mức chi thực tế theo chế độ hiện hành.

(4) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp

Chi thông tin tuyên truyền hội chợ, triển lãm: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi phí trưng bày mẫu vật, sản phẩm: Thuê mặt bằng, dàn dựng, lắp đặt gian hàng, hỗ trợ 100% kinh phí thuê gian hàng; Chi phí vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi hoạt động của Ban tổ chức: Thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, văn phòng phẩm: mức chi thực tế theo quy định hiện hành;

Chi tiền ăn, nước uống, tiền thuê phòng nghỉ, đi lại, phụ cấp công tác phí cho các thành viên Ban tổ chức: Mức chi theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi tổ chức hội thảo chuyên đề (nếu có): Nội dung, phương thức và mức chi theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 và điểm b Khoản 2 Điều 4 của dự thảo Quy định.

Chi tổ chức cho các đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao tham quan học tập: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 của quy định này.

Chi khen thưởng; chi hỗ trợ điện, nước; các khoản chi khác (nếu có): Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

Chi tiền công chăm sóc, quản lý, bảo vệ, phục vụ, vệ sinh: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành, tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

(5) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 5, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

Ngoài các nội dung và mức chi được quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14/3/2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, quy định này quy định một số nội dung và mức chi tổ chức hội thi liên quan lĩnh vực Khuyến nông cụ thể như sau:

Chi thuê hội trường, phương tiện, trang trí: Chi theo thực tế và theo quy định hiện hành.

Chi biên soạn câu hỏi, đáp án đề thi; Chi đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình, dẫn chương trình: Vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chi tiền công chăm sóc, quản lý, bảo vệ, phục vụ, vệ sinh: Theo thực tế và quy định hiện hành, tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

Chi hỗ trợ điện, nước: Mức chi thực tế theo quy định hiện hành.

(6) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin Khuyến nông và các hình thức tuyên truyền khuyến nông:

Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 5, Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Ngoài ra chi tổ chức điều tra thống kê các cơ sở dữ liệu Khuyến nông thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình

Nội dung và phương thức thực hiện xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.1 Nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ nội dung xây dựng và nhân rộng mô hình gồm: (1) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của sản xuất và định hướng phát triển của ngành; (2) Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

3.2 Phương thức thực hiện quy định tại Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định phương thức xây dựng và nhân rộng mô hình gồm: (1) Tổ chức lựa chọn địa điểm, đối tượng tham gia, cung cấp giống, vật tư, thiết bị hỗ trợ và các nội dung cần thiết theo yêu cầu của mô hình; (2) Tổ chức trình diễn, giới thiệu tiến bộ kỹ thuật, công nghệ của mô hình; (3) Tổ chức

đào tạo, hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ; (4) Tổ chức tham quan, hội nghị, hội thảo đầu bờ để đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng của tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tại mô hình; (4) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ ra diện rộng.

3.3 Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình áp dụng theo quy định tại Điểm c, d, đ, e Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

+ Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. (Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC)

Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Thông tư số 75/2009/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

Ngoài hỗ trợ giống, vật tư, thiết bị đối với xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn sản xuất; hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh, các nội dung triển khai và nhân rộng mô hình được quy định này quy định cụ thể nội dung và mức chi như sau:

Chi tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập thực tế thực hiện theo Điều 4 của quy định này.

Chi Thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình thực hiện theo Điều 5 của Quy định này.

Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn: Thực hiện theo Điểm d, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính.

Định mức cán bộ kỹ thuật, chi hướng dẫn kỹ thuật cho từng mô hình cụ thể, đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án khuyến nông trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, đảm bảo phù hợp với tính chất của từng mô hình.

4. Tư vấn và dịch vụ Khuyến nông

Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức và chính sách khuyến khích hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo Quy định tại Điều 9 và Điều 30 Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.1. Nội dung: theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ các nội dung tư vấn, dịch vụ khuyến nông gồm: (1) Chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn; (2) Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm; (3) Dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp; (4) Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; (5) Dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y;

4.2. Phương thức: theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ các phương thức tư vấn, dịch vụ khuyến nông gồm: (1) Tư vấn trực tiếp; (2) Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông; (3) Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm; (4) Tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng.

4.3. Chính sách hỗ trợ cho hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông: theo quy định tại Điều 30 Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, bao gồm: (1) Tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông được ưu tiên thuê đất, vay vốn ưu đãi, miễn, giảm thuế, lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành. (2) Chi phí dịch vụ, tư vấn khuyến nông do các bên thỏa thuận. Việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ dịch vụ, tư vấn khuyến nông theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mức chi đối với hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông:

a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này kèm theo dự thảo Nghị quyết.

c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

5. Hợp tác Quốc tế về Khuyến nông

Nội dung và phương thức hợp tác Quốc tế về Khuyến nông thực hiện theo Quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông.

5.1. Nội dung: thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ, hợp tác quốc tế về Khuyến nông thực hiện theo các nội dung như sau: (1) Trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công

nghe với các tổ chức, chuyên gia quốc tế theo quy định của pháp luật; (2) Nâng cao năng lực, trình độ cho người làm công tác khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài; (3) Các chương trình hợp tác về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp từ nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

5.2. Phương thức: thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ, hợp tác quốc tế về Khuyến nông thực hiện theo các phương thức như sau: (1) Thông qua các hiệp định, nghị định thư về chương trình, dự án hợp tác chính thức nhà nước (song phương hoặc đa phương) hoặc các thỏa thuận hợp tác đối tác công tư (PPP); (2) Thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài; (3) Các phương thức hợp tác quốc tế khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3 Mức chi: Mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Đối với các nội dung đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước tại Bình Dương.

6. Nội dung chi khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Riêng mức chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, thực hiện theo quy định của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Theo điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính một số nội dung chi khác trong hoạt động Khuyến nông được quy định như sau: (1) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. (2) Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật. (3) Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (4) Quản lý nhiệm vụ khuyến nông: Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3%

nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền; Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền; (5). Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Mức chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, thực hiện theo quy định của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (đồng)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở xác định danh mục nhiệm vụ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000.000	800.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800.000	640.000
	Thư ký hành chính		300.000	240.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	160.000
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
2.1	Chi họp Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.500.000	1.200.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000.000	800.000
	Thư ký hành chính		300.000	240.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	160.000
2.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá/hồ sơ		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500.000	400.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	560.000
3	Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ			
	Tổ trưởng	nhiệm vụ	1.200.000	
	Thành viên		800.000	
	Thư ký hành chính		240.000	
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	

7. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được

tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trên đây là báo cáo thuyết minh Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.